

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200802 - V k thu t x ấ y ấ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030355	36CXD2	H Tu n Anh	26/09/1993				7.5			7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
2	3671030327	36CXD2	Tr ấ Qu c B o	04/07/1994				10.0			10.0	3.0	6.7	4.7	7.7	
3	3671030488	36CXD2	Tr n Minh B o	03/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3671031943	36CXD2	B ầ H ầ B ầ h	08/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3671030472	36CXD2	V ấ V ấ h C ng	30/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
6	3671050415	36CXD2	Nguy n H V ầ C ng	05/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671030398	36CXD2	Nguy n Duy Ch ầ	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671031979	36CXD2	B i n V ấ h Ch ấ h	10/12/1994				9.3			9.3	2.8	6.3	4.4	7.2	
9	3671032034	36CXD2	Nguy n Th ầ h D ầ n	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3671031851	36CXD2	Ch ầ Qu ầ ng ấ i	15/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
11	3671030447	36CXD2	Tr n Ng c ấ i	17/07/1994				10.0			10.0	3.0	8.2	5.7	8.7	
12	3671030330	36CXD2	Nguy n Hu ầ nh ấ o ầ	06/10/1994				10.0			10.0	3.0	8.1	5.7	8.7	
13	3671030337	36CXD2	Nguy n Th ầ h ấ ng	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671030446	36CXD2	L ầ Minh ấ ng	18/06/1994				6.5			6.5	2.0	6.7	4.7	6.6	
15	3671030409	36CXD2	Nguy n Ph ấ h u	14/10/1994				9.0			9.0	2.7	8.2	5.7	8.4	
16	3671030322	36CXD2	Ng ồ H i u	02/06/1993				6.9			6.9	2.1	6.9	4.8	6.9	
17	3671030404	36CXD2	Tr nh Nam H i p	28/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
18	3671030331	36CXD2	Hu ầ nh Ng c Thanh H ầ ng	23/02/1994				8.2			8.2	2.5	8.5	6.0	8.4	
19	3671031860	36CXD2	Nguy n Duy Huy H ầ ng	10/04/1994				54.0			54.0	16.2	1.5	1.1	17.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067200802 - V k thu t x ấ y ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030376	36CXD2	Tr n Huy	Ho ấ ng	14/08/1994				6.9			6.9	2.1	6.3	4.4	6.5	
21	3671031611	36CXD2	L ấ m V ấ ấ	Huy	25/06/1994				8.2			8.2	2.5	5.5	3.9	6.3	
22	3671030507	36CXD2	Phan Nh t	Huy	09/02/1994				8.8			8.8	2.6	7.8	5.5	8.1	
23	3671030324	36CXD2	D ấ ng Th	Huynh	08/12/1994				8.1			8.1	2.4	5.7	4.0	6.4	
24	3671030444	36CXD2	L u Thanh	H u	10/08/1994				7.8			7.8	2.3	6.0	4.2	6.5	
25	3671030519	36CXD2	V ấ Tr ấ ng	H u	03/01/1994				8.8			8.8	2.6	7.6	5.3	8.0	
26	3671030497	36CXD2	ấ o ấ Minh	Khoa	05/12/1994				5.8			5.8	1.7	4.8	3.4	5.1	
27	3671030496	36CXD2	Phan Quang	Khoa	07/06/1992				6.2			6.2	1.9	7.4	5.2	7.0	
28	3671030416	36CXD2	V H Ng c	L ấ m	10/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
29	3671030449	36CXD2	Ph m V ấ ấ	Linh	12/09/1994				10.0			10.0	3.0	7.3	5.1	8.1	
30	3671030440	36CXD2	Tr n C ấ ng	L ch	17/07/1994				7.7			7.7	2.3	5.2	3.6	6.0	
31	3671030417	36CXD2	Nguy n ấ c	L u	03/01/1994				9.8			9.8	2.9	8.6	6.0	9.0	
32	3671030381	36CXD2	Tr ấ ng Quang	L u	28/03/1994				4.1			4.1	1.2	2.5	1.8	3.0	
33	3671030461	36CXD2	Tr n Quang	Minh	27/08/1994				8.2			8.2	2.5	8.1	5.7	8.1	
34	3671030401	36CXD2	ấ inh V ấ ấ	Nam	10/05/1993				7.5			7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
35	3671030385	36CXD2	Ngô Minh	Nh ấ n	24/08/1994				9.1			9.1	2.7	5.7	4.0	6.7	
36	3671031913	36CXD2	Huynh	Ph c	10/07/1994				6.9			6.9	2.1	8.6	6.0	8.1	
37	3671030319	36CXD2	Lê Ho ấ ng	Sa	22/04/1994				8.5			8.5	2.6	5.6	3.9	6.5	
38	3671030485	36CXD2	Nguy n Ho ấ	S n	18/01/1994				8.5			8.5	2.6	6.9	4.8	7.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200802 - V k thu t x ấ y d ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030361	36CXD2	Hu ấ nh Tr ấ	T ấ i	22/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
40	3671030399	36CXD2	L u Thanh	T ấ i	07/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
41	3671030342	36CXD2	Tr n Thanh	T ấ n	26/01/1994				8.8			8.8	2.6	8.2	5.7	8.4	
42	3671030518	36CXD2	Nguy n V ấ nh	T nh	04/06/1994				6.3			6.3	1.9	5.8	4.1	6.0	
43	3671030516	36CXD2	V ồ Thanh	To ấ n	28/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
44	3671030349	36CXD2	Nguy n Th ấ i Anh	Tu n	02/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
45	3671030491	36CXD2	H ầ Chí	Th ầ nh	17/06/1994				7.7			7.7	2.3	7.1	5.0	7.3	
46	3671030352	36CXD2	Tr n Ngh ầ	Th o	14/10/1993				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
47	3671030326	36CXD2	Nguy n Th ầ nh	Th i ầ n	01/04/1981				9.6			9.6	2.9	6.8	4.8	7.6	
48	3671030346	36CXD2	Ph m Qu c	Th nh	10/05/1994				9.1			9.1	2.7	7.1	5.0	7.7	
49	3671030340	36CXD2	Nguy n Tr n Ninh	Thu n	01/07/1994				8.2			8.2	2.5	7.8	5.5	7.9	
50	3671030378	36CXD2	V ồ Ho ầ ng Anh	Th	04/02/1994				8.9			8.9	2.7	6.8	4.8	7.4	
51	3671030510	36CXD2	L ấ V ấ nh	Tr ấ i	23/12/1994				7.6			7.6	2.3	7.3	5.1	7.4	
52	3671030356	36CXD2	Nguy n Anh	V i t	10/08/1991				3.3			3.3	1.0	3.2	2.2	3.2	
53	3671030458	36CXD2	Tr n C ầ ng	V i nh	10/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
54	3671030379	36CXD2	Mai V ấ nh	V ồ o	10/05/1993				5.0			5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
55	3671030478	36CXD2	V ồ ấ V ấ nh	V ng	15/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

T ñg s : 55 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa